

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH, BẢO VỆ TÍNH ĐẢNG CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PGS, TS. ĐẶNG QUANG ĐỊNH⁽¹⁾

Tóm tắt: *Tính đảng của triết học là quan điểm thể hiện lập trường nhất quán về thế giới quan triết học. Đối với những người mác-xít, đây là sự khẳng định tính đúng đắn của chủ nghĩa duy vật biện chứng trong cuộc đấu tranh chống lại các trào lưu triết học duy tâm. Tính đảng của triết học đòi hỏi những người mác-xít phải thể hiện tinh chiến đấu trong cuộc đấu tranh với hệ tư tưởng thù địch và các loại tư tưởng phản động khác dưới nhiều hình thức.*

Từ khóa: *tính đảng của triết học; triết học Mác - Lênin; chủ nghĩa Mác - Lênin*

Khi nói về tính đảng của triết học, V.I.Lênin nhận định: “Triết học hiện đại cũng có tính đảng như triết học hai nghìn năm về trước”⁽¹⁾. Đây là quan điểm thể hiện lập trường nhất quán về thế giới quan triết học. V.I.Lênin chỉ rõ: “Những đảng phái đang đấu tranh với nhau, về thực chất - mặc dù thực chất đó bị che dấu bằng những nhãn hiệu mới của thù đoạn lang băm hoặc tinh phi đảng ngu xuẩn - là chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm”⁽²⁾.

Đối với những người mác-xít, tính đảng đòi hỏi phải nhận thức được tính đúng đắn của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phải công khai và trước sau như một thực hiện những quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, biết phát hiện ra những khuynh hướng xa rời chủ nghĩa duy vật. Bên cạnh đó, phải bảo vệ chủ nghĩa duy vật trước sự tấn công của những quan điểm thù địch, phê phán có cơ sở khoa học mọi quan điểm duy tâm chủ nghĩa trong triết học, phải đấu tranh chống lại mọi kẻ thù tư tưởng dưới mọi hình thức, phê phán các loại lý luận xét lại và phản động, phải thể hiện tinh chiến đấu trong cuộc đấu tranh với hệ tư tưởng thù địch và các loại tư tưởng phản động khác.

⁽¹⁾ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

C.Mác và Ph.Ăngghen luôn đối lập một cách rõ ràng và dứt khoát con đường duy vật và con đường duy tâm trong triết học. C.Mác vạch rõ những sai lầm duy tâm của Ludwig Feuerbach trong lĩnh vực xã hội, gạt bỏ thuyết thực chứng của Auguste Conte, phê phán chủ nghĩa duy tâm của Schelling, Đuyrinh, đấu tranh chống những khuynh hướng sai lầm trong nhóm Hêghen trẻ... C.Mác và Ph.Ăngghen là những người đã thể hiện tinh thần nhất quán, trước sau như một. Hai ông đã tiến theo con đường duy vật, thúc đẩy khuynh hướng cơ bản của triết học tiến lên phía trước, “chống lại chủ nghĩa duy tâm, chứ không để cho một trong hàng nghìn hệ thống triết học thấm hại làm cho mình lạc hướng”⁽³⁾. “Không ngừng giữ vững, một cách kiên quyết như trước, lập trường rõ rệt và kiên định của mình, đồng thời quét sạch cái bụi bẩn những hệ thống mới, cả lớn lẫn nhỏ”⁽⁴⁾. V.I.Lênin chỉ rõ: “Về mặt triết học, C.Mác và Ph.Ăngghen, thuy chung là những người có tính đảng; hai ông đã biết phát hiện ra những thiên hướng xa rời chủ nghĩa duy vật và những sự dung túng chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa tin ngưỡng trong tất cả mọi khuynh hướng”⁽⁵⁾.

Trong tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, V.I.Lênin đã phê phán thái độ không đảng phái trong triết học. Ông khẳng định: “Không trừ một trường hợp nào, chúng ta đã thấy rằng đảng sau một động thuật ngữ tinh vi mới, đảng sau cái mớ lộn xộn những nghị luận uyên thâm kinh viện, là hai đường lối cơ bản, hai khuynh hướng cơ bản trong cách giải quyết các vấn đề triết học”⁽⁶⁾ - duy vật hoặc duy tâm chứ không có đường lối thứ ba trong triết học. V.I.Lênin cho rằng: “cái tham vọng ngu dại muốn “vượt lên trên” chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, muốn khắc phục sự đối lập “cũ kỹ” ấy, nhưng kỳ thật, thì cả đám người đó cứ mỗi lúc một sa vào chủ nghĩa duy tâm và kiên quyết tiến hành đến cùng một cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa duy vật”⁽⁷⁾.

V.I.Lênin nhấn mạnh: “Chủ nghĩa duy tâm chẳng qua chỉ là một hình thái tế nhị và tinh vi của chủ nghĩa tin ngưỡng, một chủ nghĩa được

vũ trang đầy đủ, có trong tay những tổ chức rất rộng lớn, và lợi dụng những sự dao động nhỏ nhất trong tư tưởng triết học, không ngừng tiếp tục ảnh hưởng vào quần chúng. Vai trò khách quan, vai trò giai cấp của chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, hoàn toàn chỉ là phục vụ cho bọn tin ngưỡng chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh của chúng chống chủ nghĩa duy vật nói chung và chống chủ nghĩa duy vật lịch sử nói riêng”⁽⁸⁾.

Bên cạnh việc kiên trì theo khuynh hướng triết học duy vật, thể hiện tinh chiến đấu mạnh mẽ của thế giới quan duy vật với thế giới quan duy tâm, tinh đảng của triết học còn đòi hỏi những người mác-xít phải đấu tranh trên thực tiễn, thông qua việc đấu tranh chống tư tưởng của các đảng phái chính trị.

Với lập trường có đảng tính nhất định trong chính trị, C.Mác và Ăngghen luôn gắn liền và đồng nhất hóa sự phê phán với cuộc đấu tranh hiện thực. C.Mác nhấn mạnh: “Nói chung, đây không còn là một triết học nữa, mà là một thế giới quan, nó không cần phải được chứng thực và biểu hiện thành một khoa học đặc biệt nào đó của các khoa học, mà được chứng thực và biểu hiện trong các khoa học hiện thực”⁽⁹⁾. Ph.Ăngghen khẳng định: “không thể đập tan được mọi hình thái và sản phẩm của ý thức bằng sự phê phán tinh thần... mà chỉ bằng việc lật đổ một cách thực tiễn những quan hệ xã hội hiện thực đã sản sinh ra tất cả những điều nhảm nhí duy tâm đó; rằng không phải sự phê phán mà cách mạng mới là động lực của lịch sử, của tôn giáo, của triết học và của mọi lý luận khác”⁽¹⁰⁾. Rằng, “Các nhà triết học đã *giải thích* thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là *cải tạo* thế giới”⁽¹¹⁾.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, “Tư tưởng căn bản không thể *thực hiện được cái gì hết*. Muốn thực hiện tư tưởng thì cần có những con người sử dụng lực lượng thực tiễn”⁽¹²⁾. Từ đó, C.Mác chỉ ra rằng, triết học cũng phải theo đuổi những mục đích thực tiễn hiệu quả vì nghĩa cao nhất của chữ đó như bất cứ hoạt động lao động nào khác của con người. Rằng, “các triết gia không mọc lên như nấm từ trái đất, họ là sản phẩm của

thời đại của mình, của dân tộc mình, mà đồng sửa tinh tế nhất, quý giá và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học. Cùng chính cái tinh thần xây dựng những đường sải bằng bàn tay của công nhân, đang xây dựng những hệ thống triết học trong đầu óc các triết gia⁽¹³⁾. “Mọi triết học chân chính đều là tình hoa tinh thần của thời đại mình⁽¹⁴⁾”. C.Mác phân đối quan điểm cho rằng triết học “không có tính đảng” và tựa hồ nó chỉ quan sát hiện thực, và không có quan hệ gì với hoạt động thực tiễn, với sự biến đổi chế độ xã hội. Triết học không phải xây dựng lên một hệ thống, thích dụng “đối với mọi thời đại sau này”, mà là phê phán thẳng tay mọi cái đang tồn tại.

Vai trò của triết học duy vật biện chứng chính là ở tính định hướng nhận thức để đạt đến các mục tiêu phù hợp với sự phát triển khách quan của lịch sử. Triết học phải góp phần làm cho cuộc đấu tranh giai cấp không còn mang tính chất biệt phái, ngẫu nhiên nữa, mà là hành động có tổ chức nhằm bảo vệ lợi ích của các giai cấp, tầng lớp đông đảo người lao động trong xã hội. C.Mác chỉ rõ: “Giống như triết học thấy giai cấp vô sản là vũ khí *vật chất* của mình, giai cấp vô sản cũng thấy triết học là vũ khí *tinh thần* của mình⁽¹⁵⁾”. Điều đó có nghĩa là có sự liên hệ chặt chẽ giữa đường lối chính trị với logic tư tưởng triết học trong chủ nghĩa Mác. Theo V.I.Lênin, đường lối chính trị của chủ nghĩa Mác... gắn chặt với cơ sở triết học của nó. Vì vậy, bảo vệ triết học Mác cũng có nghĩa là bảo vệ học thuyết chính trị của các ông. Do vậy, khi đấu tranh với bất kỳ một khuynh hướng triết học nào cũng phải thấy rõ các lợi ích chính trị xuyên qua các học thuyết triết học đó, phải vạch rõ bản chất của tất cả những quan điểm chính trị phản động ẩn giấu bên trong các học thuyết triết học, kể cả chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.

Theo V.I.Lênin, “cuộc đấu tranh đảng phái trong triết học, một cuộc đấu tranh, xét đến cùng, biểu hiện những khuynh hướng và hệ tư tưởng của các giai cấp đối địch trong xã hội hiện đại⁽¹⁶⁾”. Thực tế cho thấy, những tư tưởng chính trị của các đảng phái, các nhà nước trong lịch sử

đều đứng trên thế giới quan triết học nhất định. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại mà V.I.Lênin tiến hành đã cho thấy rõ cơ sở triết học của các thứ chủ nghĩa ấy. Đây đều là những biểu hiện khác nhau của chủ nghĩa duy tâm.

Khi thế giới quan duy vật biện chứng thể hiện sự thắng lợi thông qua các phong trào cách mạng, những nhà chính trị, triết học đối lập thể hiện rõ sự chống phá quyết liệt, điên cuồng với thế giới quan duy vật biện chứng, với thế giới quan duy vật khoa học và cách mạng. Thậm chí, cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, các nhà triết học duy tâm còn sử dụng chính thành tựu của khoa học tự nhiên để bác bỏ thế giới quan duy vật biện chứng, qua đó phủ nhận hệ tư tưởng của Đảng Cộng sản, của giai cấp vô sản. Họ cho rằng, “vật chất đã tiêu tan”, “vật chất biến mất”; thế giới quan duy vật biện chứng là sai lầm, cần bác bỏ và thay thế bởi thế giới quan mới.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917) vĩ đại đã làm cho chủ nghĩa xã hội từ một học thuyết trở thành hiện thực, chủ nghĩa Mác từ một “bóng ma ám ảnh châu Âu” đã được hiện thực hóa trên thực tế, mở ra thời đại mới - thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Những thắng lợi to lớn của chủ nghĩa xã hội, làm thay đổi bộ mặt xã hội thế giới là minh chứng hùng hồn, chứng tỏ vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng. Tuy nhiên, từ sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ thì chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng bị xuyên tạc và công kích từ nhiều phía. Kẻ thù của chủ nghĩa Mác - Lênin đang lớn tiếng cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin, triết học Mác - Lênin đã lạc hậu, lỗi thời, cần được thay thế. Các phần tử cơ hội dưới mọi màu sắc, tìm mọi cách phủ nhận thế giới quan duy vật biện chứng, đặc biệt là quan niệm duy vật về lịch sử.

Nhiều nhà lý luận, nhà tư tưởng tư sản đưa ra những tư tưởng, lý luận, thuật ngữ, như “xã hội siêu công nghiệp”, “các cơ quan siêu quốc gia” “các nhà hợp nhất”, “phương tiện hợp nhất”, “siêu đấu tranh”, “ý thức hệ toàn cầu”...

của Alvin Toffler, “đụng hợp giai cấp” của phái Frankfurt., hay, các học giả mệnh danh là “chủ nghĩa Mác phương Tây” từ những năm 20 của thế kỷ XX đến nay, như Georg Lukacs (1885 - 1971), Karl Korsch (1886 - 1961) và Antonio Gramsci (1891 - 1937)... chống lại xu hướng giải thích tính khách quan của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Họ không chấp nhận tính quyết định của các quy luật kinh tế khách quan, không chấp nhận quyết định luận kinh tế, mặc dù thừa nhận vai trò cơ bản của yếu tố kinh tế. Chủ nghĩa Mác mới ở Anh lại lấy xung đột văn hóa thay thế cho đấu tranh giai cấp... Tất cả những lý luận, tư tưởng của các học giả thuộc các trường phái trên đây, xét đến cùng, đều nhằm phủ nhận vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin và triết học Mác - Lênin.

Sự phủ nhận triết học Mác - Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin được thể hiện ở hai khuynh hướng chính:

Thứ nhất, khơng lại những tư tưởng được cho là đã cảnh báo về những “sai lầm” của chủ nghĩa Mác - Lênin khi lý giải về lịch sử; rằng, những người cộng sản không nhận ra điều đó nên đã dẫn đến sự sụp đổ.

Trong cuốn *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản* (năm 1930), M. Weber (1864 - 1920) đã thể hiện những quan điểm khác biệt so với cách tiếp cận của C.Mác về xã hội và lịch sử. Theo quan niệm của C.Mác, cơ sở của sự phân chia giai cấp và sự phân tầng xã hội theo giai cấp là trình độ sản xuất còn thấp. Theo M. Weber, vai trò của lĩnh vực kinh tế không còn quan trọng đối với sự phân chia giai cấp và tầng lớp xã hội trong xã hội tư bản hiện đại. Thông qua việc bổ sung thêm yếu tố tinh thần, văn hóa và đạo đức khi khảo cứu bản chất của chủ nghĩa tư bản, M. Weber muốn ngầm bác bỏ học thuyết Mác, nhất là lý luận giai cấp của C.Mác được trình bày trong bộ *Tư bản*.

Sự phê phán “chủ nghĩa lịch sử” được K.Popper (1902 - 1994) trình bày trong *Sự nghèo nàn của chủ nghĩa lịch sử* (năm 1944) và *Xã hội mới và những kẻ thù của nó* (năm 1945) là quan điểm phủ nhận trực tiếp chủ nghĩa duy vật lịch sử,

đặc biệt là nhằm bác bỏ trực tiếp học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, cũng như phủ nhận tính chất khách quan của các quy luật xã hội mà triết học Mác - Lênin nêu ra.

Cuốn *Đường tới nô lệ* (năm 1943) của F.A.Hayek (1899 - 1992) cũng là tác phẩm thể hiện nhiều quan điểm phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, ở đó, ông đã phủ nhận khả năng nhận biết các quy luật lịch sử của con người. Trong tác phẩm này, ông cho rằng: “con người không thể biết các quy luật của lịch sử, mà có lẽ như thế lại là may”¹⁷). Điều này trực tiếp phủ nhận quan niệm duy vật về lịch sử của triết học Mác - Lênin. F.A.Hayek còn cho rằng, thể chế toàn trị với đặc trưng quốc hữu hóa tư liệu sản xuất và kế hoạch hóa tập trung cao độ sẽ dẫn đến nghèo khổ, bất bình đẳng (mà ông gọi là “nô lệ”). Điều này đi đến phủ nhận quan điểm chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng chế độ công hữu, tạo cơ sở kinh tế để giải phóng và phát triển toàn diện con người.

Thứ hai, đề xuất những tư tưởng mới lý giải về sự phát triển của lịch sử loài người, thực chất là phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trong cuốn *The End of History and the Last Man* (năm 1989), Francis Fukuyama (sinh năm 1952) đã bác bỏ quan điểm duy vật biện chứng của triết học Mác - Lênin. Thay vào đó, F.Fukuyama đề xuất phương pháp nghiên cứu khoa học hiện đại kết hợp với tiến bộ công nghệ, cùng với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, nhằm lý giải tại sao văn minh loài người đã tiến bộ được như vậy. Điểm then chốt, theo ông, chính là chủ nghĩa tư bản là giai đoạn cuối của tiến trình lịch sử, do phát triển dựa trên dân chủ, tự do, mặc dù nó không hoàn thiện, nhưng đó là mô hình tốt nhất mà chúng ta có. Vì vậy, F.Fukuyama đã có nhận định: “Lịch sử đã chấm dứt” và cho rằng, chúng ta đang sống trong giai đoạn “hậu lịch sử”. Rằng, chủ nghĩa tư bản dựa trên dân chủ tự do là giai đoạn cuối của tiến trình lịch sử; dân chủ, tự do chính là hình thức chính quyền cuối cùng của nhân loại và như vậy quá trình tiến hóa ý thức hệ chính trị đã chấm dứt kể từ thời điểm năm 1989, còn lịch sử đã đi đến điểm cáo chung.

Nhà tương lai học người Mỹ A. Toffler (1928 - 2016) đã viết bộ sách dự đoán sự phát triển của nhân loại trong tương lai gần, gồm: *Cú sốc tương lai* (Future shock), *Làn sóng thứ ba* (The third wave) và *Thăng trầm quyền lực* (Power shift). Trong cuốn *Làn sóng thứ ba*, A. Toffler chia sự phát triển thành ba nền văn minh: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh trí tuệ. Trong đó, ông chỉ đề cập đến mặt kỹ thuật trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, của đời sống xã hội, bỏ qua những mâu thuẫn căn bản, chủ yếu của phương thức sản xuất tư bản. Thực chất là bảo vệ sự tồn tại của chế độ tư bản.

Trong tác phẩm *Sự va chạm của các nền văn minh* (năm 1996), S.P. Huntington (1927 - 2008) đã lấy sự xung đột giữa các nền văn minh thay cho đấu tranh giai cấp, qua đó bác bỏ lý luận giai cấp, cách mạng xã hội của triết học Mác - Lênin. Quan điểm này không thấy nguồn gốc thực sự của các cuộc xung đột lớn trên thế giới, đó là vấn đề lợi ích (kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng...). Văn hóa, văn minh, tôn giáo chỉ là cái cớ, nhiều khi nó bị các thế lực cơ hội chính trị lợi dụng để đạt được các mục đích chính trị của họ.

Trong *Lý thuyết hành vi giao tiếp*, J. Habermas (sinh năm 1929) có tham vọng tái cấu trúc lại chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm thay thế cho chủ nghĩa duy vật lịch sử của C. Mác. Tham vọng này của J. Habermas cũng thể hiện sự bác bỏ, phủ nhận học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C. Mác một cách gián tiếp, không trực diện.

Ngoài những đại biểu cơ bản trên, còn có nhiều nhà tư tưởng khác chống lại chủ nghĩa Mác - Lênin ở các khía cạnh khác nhau. Điển hình như chủ trương "bổ sung chủ nghĩa nhân đạo" cho học thuyết Mác dẫn đến sự ra đời "Chủ nghĩa Mác hiện sinh" (J.P. Sartre), "Chủ nghĩa Mác theo tinh thần chủ nghĩa Freud" (Vinhem Raisơ - Áo, Macquidơ và Erich Fromm - Trường phái Frankfurt)...

Điều đáng lưu ý là một số tư tưởng đó đã trực tiếp tác động tới ý thức hệ giai cấp, ảnh hưởng tới việc xây dựng hệ tư tưởng chính trị ở Việt Nam. Cụ thể, gần đây, trong "Thư ngỏ gửi cho

Đảng Cộng sản Việt Nam" của 61 người xưng danh là "đảng viên" (còn gọi tắt là TN61) nêu ra tư tưởng cho rằng, "thể chế độc đảng toàn trị kìm hãm tự do, dân chủ"; rằng, "một đảng cầm quyền thì không có dân chủ, một đảng cầm quyền đồng nghĩa với độc đoán, chuyên quyền, bóp nghẹt dân chủ". Họ cũng khuyến "xây dựng hệ thống nhà nước pháp quyền thật sự dân chủ". Quan điểm này thực chất đã được F.A. Hayek nêu ra.

Từ vai trò quyết định của cơ sở kinh tế đối với sự thay đổi của kiến trúc thượng tầng trong triết học Mác - Lênin, những tư tưởng đối đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập cũng xuất hiện. Họ cho rằng, trước đổi mới, ở Việt Nam chỉ có kinh tế quốc doanh và tập thể nên một đảng lãnh đạo là phù hợp. Khi chuyển sang kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu thì tất yếu phải đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập mới đúng với lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực chất, đây là quan điểm chiết trung và nguy hiểm trong việc nhận thức mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị. Bởi lẽ, mặc dù kinh tế ở Việt Nam nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu để giải phóng sức sản xuất xã hội, nhưng sở hữu toàn dân là sở hữu chi phối ở Việt Nam. Điều 53, Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: "Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý". Vì vậy, "chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế" nên chính trị cũng phản ánh quan hệ sở hữu chi phối đó. Theo đó, nhất nguyên chính trị và một đảng lãnh đạo vẫn phù hợp với lý luận Mác - Lênin nêu ra. Những lập luận đối đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập thực chất là phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngoài những quan điểm trên, nhiều tư tưởng phản động còn trực diện chống lại thể giới quan duy vật biện chứng, phủ nhận quan niệm biện chứng về quá trình lịch sử - tự nhiên của sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội; chống lại tư tưởng về tính tất yếu cách mạng xã hội chủ nghĩa,

(xem tiếp trang 30)